

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2021/HNGĐ - ST**  
Ngày: 18- 5 -2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Ông Nguyễn Quang Liêu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Khải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị H, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1994. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H và anh Võ Văn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước vào ngày 24/4/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, anh L không lo làm ăn, chăm lo gia

đình, liên tục phạm tội phải đi chấp hành án. Nay chị H không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 người con chung là cháu Võ Văn Minh T, sinh ngày 16/10/2015. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu thành niên. Không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm:* Bản chính giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã C ngày 24/4/2015; bản sao chứng minh nhân dân của chị H; bản sao hộ khẩu gia đình; bản sao giấy khai sinh của cháu Văn Võ Minh T. Ngoài ra, chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*Tại bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2021, bị đơn anh Võ Văn L trình bày:*

Về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị H. Trong thời gian chung sống, anh L nhận thấy mình chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng, không lo được cuộc sống cho vợ con nên nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý. Đồng thời xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Về con chung:* Anh L và chị H có 01 người con chung là cháu Võ Văn Minh T, sinh ngày 16/10/2015. Sau khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu thành niên. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh L vì anh L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tô Thị H; về con chung, giao cháu Võ Văn Minh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của chị Tô Thị H thì chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Võ Văn L. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D.

Đối với việc giải quyết vắng mặt anh Võ Văn L. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, anh L đã có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H và anh Võ Văn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyền số 01/2015 ngày 24/4/2015 đã được chị H giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của chị H từ năm năm 2018 thì giữa chị H và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, anh L không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, liên tục phạm tội phải đi chấp hành án. Nay chị H không còn tình cảm với anh L nữa nên mong muốn được ly hôn với anh L. Anh L cũng thừa nhận quá trình chung sống, anh L đã không chăm lo cho gia đình, chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng nên nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh L có 01 người con chung là cháu Võ Văn Minh T, sinh ngày 16/10/2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh L hiện đang chấp hành án tại trại giam Phú Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; cháu T đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, để đảm quyền và lợi ích của cháu T cần giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng, chị H và anh L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị H về việc xin ly hôn. Chị Tô Thị H được ly hôn với anh Võ Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Văn Minh T, sinh ngày 16/10/2015 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015998 ngày 18/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. eBị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**